

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH VKU NĂM 2024

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học dự kiến năm 2024: 1500

Bao gồm 16 Ngành/Chuyên ngành tuyển sinh:

Ngành/chuyên ngành tuyển sinh:

1. Quản trị kinh doanh

Mã ĐKXT: 7340101

Chỉ tiêu: 120

2. Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số

Mã ĐKXT: 734010EL

Chỉ tiêu: 130

3. Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số

Mã ĐKXT: 7340101ET

Chỉ tiêu: 60

4. Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số

Mã ĐKXT: 7340101EF

Chỉ tiêu: 60

5. Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ thông tin

Mã ĐKXT: 7340101IM

Chỉ tiêu: 40

6. Marketing

Mã ĐKXT: 7340115

Chỉ tiêu: 40

7. Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)

Mã ĐKXT: 7480108

Chỉ tiêu: 60

8. Công nghệ kỹ thuật máy tính – chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn (kỹ sư)

Mã ĐKXT: 7480108IC

Chỉ tiêu: 60

9. Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)

Mã ĐKXT: 7480108B

Chỉ tiêu: 60

10. An toàn thông tin (kỹ sư)

Mã ĐKXT: 740202

Chỉ tiêu: 60

11. Công nghệ thông tin (kỹ sư)

Mã ĐKXT: 7480201

Chỉ tiêu: 320

12. Công nghệ thông tin (cử nhân)

Mã ĐKXT: 7480201B

Chỉ tiêu: 240

13. Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)

Mã ĐKXT: 7480201DT

Chỉ tiêu: 120

14. Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)

Mã ĐKXT: 7480107

Chỉ tiêu: 60

15. Công nghệ truyền thông (cử nhân)

Mã ĐKXT: 7320106

Chỉ tiêu: 30

16. Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)

Mã ĐKXT: 7320106DA

Chỉ tiêu: 40

Tuyển sinh theo 5 Phương thức tuyển sinh:

- Xét điểm thi tốt nghiệp THPT
- Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)
- Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
- Xét tuyển theo đề án tuyển sinh của trường
- Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP HCM

1. Tên cơ sở đào tạo:

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng

2. Mã trường: VKU

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

Khu Đô thị Đại học, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

<https://www.vku.udn.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

<https://www.facebook.com/vku.udn.vn>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0236 655 2688

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo (CSĐT): <https://vku.udn.vn/cong-khai-nam-hoc>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tuyensinh.vku.udn.vn/>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Xét tuyển, Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tuyensinh.vku.udn.vn/>

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

1. Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý

1.1 Ngành Quản trị kinh doanh

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 54

Số nhập học: 8610

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 48

Số nhập học: 8360

Điểm trúng tuyển: 23

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 49

Số nhập học: 8610

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 40

Số nhập học: 8360

Điểm trúng tuyển: 24.5

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 7

Số nhập học: 4

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 6

Số nhập học: 2

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 28

Số nhập học: 35

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 21

Điểm trúng tuyển:

1.2 Ngành Quản trị kinh doanh - chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 7 1 1 0

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 48

Số nhập học: 27 10 21 1

Điểm trúng tuyển: 23

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 35 9 3 2

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 40

Số nhập học: 14 0 1 1

Điểm trúng tuyển: 26

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 11

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 6

Số nhập học: 5

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 61

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 69

Điểm trúng tuyển:

1.3 Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 17 7 19 0

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 10 5 21 0

Điểm trúng tuyển: 22.5

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 4 0 1 2

Điểm trúng tuyển: 23

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 20

Số nhập học: 3 0 1 1

Điểm trúng tuyển: 25

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 1

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 0

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 6

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 12

Điểm trúng tuyển:

1.4 Ngành Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Marketing kỹ thuật số

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 46

Số nhập học: 20 5 8 0

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 48

Số nhập học: 27 12 27 1

Điểm trúng tuyển: 23

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 42

Số nhập học: 17 5 1 4

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 40

Số nhập học: 12 6 0 2

Điểm trúng tuyển: 25.5

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 6

Số nhập học: 4

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 6

Số nhập học: 6

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 46

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 50

Điểm trúng tuyển:

1.5 Ngành Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 23 5 14 1

Điểm trúng tuyển: 22

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 13 4 20 0

Điểm trúng tuyển: 22.5

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 8 2 1 2

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 20

Số nhập học: 5 3 0 0

Điểm trúng tuyển: 24

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 2

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 1

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 1

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 1

Điểm trúng tuyển:

1.6 Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án CNTT

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 17 4 8 0

Điểm trúng tuyển: 20.5

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 16

Số nhập học: 18 9 17 1

Điểm trúng tuyển: 22

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 2 0 0 0

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 14

Số nhập học: 5 0 0 0

Điểm trúng tuyển: 24

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 0

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 2

Số nhập học: 1

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 3

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 8

Số nhập học: 1

Điểm trúng tuyển:

2. Lĩnh vực Máy tính và Công Nghệ Thông Tin

2.1 Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính(kỹ sư)

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 33 12 4 1

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 44 5 10 0

Điểm trúng tuyển: 23

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 20 6 2 0

Điểm trúng tuyển: 23

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 20

Số nhập học: 16 5 1 1

Điểm trúng tuyển: 24

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 3

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 3

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 4

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 5

Điểm trúng tuyển:

2.2 Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 9 3 1 0

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 10 4 2 0

Điểm trúng tuyển: 23.09

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 9 2 0 0

Điểm trúng tuyển: 23

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 20

Số nhập học: 9 0 3 1

Điểm trúng tuyển: 24

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 4

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 0

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 0

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 0

Điểm trúng tuyển:

2.3 Ngành Công nghệ thông tin (kỹ sư)

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 118

Số nhập học: 66 17 7 0

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 128

Số nhập học: 34 16 2 0

Điểm trúng tuyển: 25.01

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 105

Số nhập học: 85 16 0 5

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 106

Số nhập học: 91 16 3 3

Điểm trúng tuyển: 25

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 15

Số nhập học: 27

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 15

Số nhập học: 16

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 60

Số nhập học: 121

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 64

Số nhập học: 138

Điểm trúng tuyển:

2.4 Ngành Công nghệ thông tin (cử nhân)

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 110

Số nhập học: 70 24 5 0

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 96

Số nhập học: 37 31 18 1

Điểm trúng tuyển: 23.5

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 98

Số nhập học: 70 15 3 2

Điểm trúng tuyển: 24.5

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 80

Số nhập học: 65 16 1 2

Điểm trúng tuyển: 24

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 14

Số nhập học: 11

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 48

Số nhập học: 3

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 56

Số nhập học: 42

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 37

Điểm trúng tuyển:

2.5 Ngành Công nghệ thông tin (Cử nhân) - Hợp tác doanh nghiệp

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 46

Số nhập học: 27 8 1 0

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 48

Số nhập học: 43 21 8 1

Điểm trúng tuyển: 23.5

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 42

Số nhập học: 25 4 0 3

Điểm trúng tuyển: 24.5

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 40

Số nhập học: 20 7 0 0

Điểm trúng tuyển: 24

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 6

Số nhập học: 6

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 4

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 16

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 6

Số nhập học: 12

Điểm trúng tuyển:

2.6 Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 25 9 0 0

Điểm trúng tuyển: 24

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 4 2 0 0

Điểm trúng tuyển: 25.01

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 11 5 0 0

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 20

Số nhập học: 13 4 0 1

Điểm trúng tuyển: 25

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 4

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 3

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 5

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 31

Điểm trúng tuyển:

2.7 Ngành Công nghệ Thông tin - Chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 22 17 18 0

Điểm trúng tuyển: 23

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 4 4 3 0

Điểm trúng tuyển: 24

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 4 3 2 1

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 20

Số nhập học: 15 5 3 0

Điểm trúng tuyển: 24.5

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 6

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 4

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 11

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 32

Điểm trúng tuyển:

2.8 Ngành Công nghệ Thông tin - Chuyên ngành Mạng và an toàn thông tin

Tổ hợp:

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D90

Phương thức xét tuyển: Theo điểm thi TN THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 22

Số nhập học: 38 17 6 0

Điểm trúng tuyển: 23

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 24

Số nhập học: 44 18 8 0

Điểm trúng tuyển: 23

Tổ hợp

Tổ hợp 1: A00

Tổ hợp 2: A01

Tổ hợp 3: D01

Tổ hợp 4: D07

Phương thức xét tuyển: Theo kết quả học tập THPT

Năm 2022:

Chỉ tiêu: 21

Số nhập học: 6 4 0 0

Điểm trúng tuyển: 25

Năm 2023:

Chỉ tiêu: 20

Số nhập học: 8 2 0 1

Điểm trúng tuyển: 25

Phương thức xét tuyển: Theo điểm ĐGNL

Năm 2022

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 4

Điểm trúng tuyển: 600

Năm 2023

Chỉ tiêu: 3

Số nhập học: 3

Điểm trúng tuyển: 650

Phương thức xét tuyển: Theo Tuyển sinh riêng

Năm 2022

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 9

Điểm trúng tuyển:

Năm 2023

Chỉ tiêu: 12

Số nhập học: 15

Điểm trúng tuyển:

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://vku.udn.vn/cong-khai-nam-hoc>

Có 7 ngành được phép đào tạo:

1. Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7340101

Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành: 31/03/2017

Năm bắt đầu đào tạo: 2017

Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh: 2022

2. Công nghệ kỹ thuật máy tính

Mã ngành: 7480108

Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành: 31/03/2017

Năm bắt đầu đào tạo: 2017

Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh: 2022

3. Công nghệ thông tin

Mã ngành: 7480201

Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành: 31/03/2017

Năm bắt đầu đào tạo: 2017

Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh: 2022

4. Trí tuệ nhân tạo

Mã ngành: 7480107

Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành: 24/06/2002

Năm bắt đầu đào tạo: 2023

Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh: 2023

5. An toàn thông tin

Mã ngành: 7480202

Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành: 24/06/2022

Năm bắt đầu đào tạo: 2024

Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh:

6. Marketing

Mã ngành: 7340115

Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành: 18/08/2023

Năm bắt đầu đào tạo: 2024

Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh:

7. Công nghệ truyền thông

Mã ngành: 7320106

Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành: 18/08/2023

Năm bắt đầu đào tạo: 2024

Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh:

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://vku.udn.vn/cong-khai-nam-hoc>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT

<http://tuyensinh.vku.udn.vn/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT

<http://tuyensinh.vku.udn.vn/>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT

Trường ĐH CNTT&TT Việt – Hàn không tổ chức thi tuyển sinh

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT

Trường ĐH CNTT&TT Việt – Hàn không tổ chức thi tuyển sinh

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước

ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối

lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Điều kiện tuyển sinh:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Thông tư 08/2022/BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và mục 1.5 phần II của Đề án này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

Phạm vi tuyển sinh trên Toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

Tất cả các ngành tuyển sinh của Trường đều xét tuyển theo 05 phương thức.

1.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Đối tượng xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển và các thông tin khác xem mục 1.8.1.

1.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT (Xét tuyển sinh riêng)

a) Các nhóm xét tuyển:

- Nhóm (1): Xét tuyển đối với thí sinh đạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi (HSG) Quốc gia, Quốc tế hoặc thí sinh đạt giải khuyến khích trở lên tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế hoặc thí sinh đạt giải tư trở lên tại Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật quốc gia trong thời gian học THPT.

Thí sinh đoạt giải trong thời gian học THPT và không quá 03 năm tính tới thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển. Danh mục các môn thi, lĩnh vực, ngành nghề đạt giải tương ứng với các ngành/chuyên ngành tuyển sinh theo mục 1.6.

Ưu tiên thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia

- Nhóm (2): Xét tuyển đối với thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng trong Kỳ thi Olympic truyền thống 30/4 hoặc Kỳ thi HSG các trường THPT chuyên khu vực Duyên hải và Đồng bằng Bắc bộ hoặc Kỳ thi Olympic cấp tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương; Đạt đoạt nhất, nhì, ba, khuyến khích/giải tư trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

Thí sinh đoạt giải trong thời gian học THPT và không quá 03 năm tính tới thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển. Danh mục các môn thi, lĩnh vực, ngành nghề đạt giải tương ứng với các ngành/chuyên ngành tuyển sinh theo mục 1.6.

Ưu tiên thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nhóm (3): Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học dự bị đại học theo hình thức A-Level (Thời gian thi chứng chỉ không quá 02 năm tính đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển)

Danh mục chứng chỉ quốc tế tương ứng với các ngành Xét tuyển:

+ A-Level: PUM range \geq 80 (Toán C)

+ ACT (36) \geq 26

+ SAT (1600) \geq 1200

- Nhóm (4): Thí sinh tham dự cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia vòng thi tuần trở lên do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức. Thời gian tham dự không quá 3 năm tính tới thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển.

- Nhóm (5): Thí sinh là học sinh thuộc lớp chuyên các môn theo bảng sau:

STT: 1

Môn chuyên: Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, Sinh học

Lĩnh vực xét tuyển: Tất cả các lĩnh vực

STT: 2

Môn chuyên: Ngoại ngữ, Ngữ văn

Lĩnh vực xét tuyển: Kinh doanh và quản lý, lĩnh vực Báo chí và thông tin

Điều kiện xét tuyển: Thí sinh có điểm trung bình môn chuyên (năm lớp 10 và lớp 11) đạt từ 8,00 trở lên. Trung bình các môn thuộc tổ hợp xét tuyển (năm lớp 10 và lớp 11) từ 8.00 trở lên;

- Nhóm (6): Xét tuyển đối với thí sinh đoạt giải (Nhất, Nhì, Ba) trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công

nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức. Thí sinh đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm kết thúc

nộp hồ sơ xét tuyển.

- Nhóm (7): Thí sinh đạt học lực loại giỏi hai năm liên tục trong thời gian học THPT.

- Nhóm (8):

● Nhóm (8a): Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5,0 trở lên (hoặc TOEFL iBT từ 45 điểm trở lên,

TOEIC từ 600 điểm trở lên) không quá 02 năm tính từ ngày cấp đến ngày kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển. Điều kiện xét tuyển:

Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024;

● Nhóm (8b): Đạt giải nhất, nhì, ba hoặc tương đương trong Cuộc thi thể thao, văn nghệ cấp tỉnh/thành phố trực

thuộc trung ương trở lên. Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển.

b) Điều kiện chung

Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT, đáp ứng tiêu chuẩn bổ chất lượng đầu vào do ĐHĐN quy định, không có môn thi THPT không

trên 1,0 điểm trung bình. Tổng điểm học tập THPT của 03 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 21,00 trở lên (trừ nhóm 5 và nhóm 7).

c) Điểm quy đổi của các đối tượng xét tuyển theo Đề án của Trường (Xét tuyển sinh riêng)

Nhóm 1:

Đối tượng:

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi (HSG) Quốc gia trở lên

Đối tượng: Thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế

Đối tượng: Thí sinh đoạt giải tư trở lên trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.

Nhóm 2:

Đối tượng:

Thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thí sinh đạt huy chương vàng trong Kỳ thi Olympic truyền thống 30/4 hoặc Kỳ thi HSG các trường THPT chuyên khu vực Duyên hải và Đồng bằng Bắc bộ

Thí sinh đoạt giải nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thí sinh đoạt huy chương bạc trong Kỳ thi Olympic truyền thống 30/4 hoặc Kỳ thi HSG các trường THPT chuyên khu vực Duyên hải và Đồng bằng Bắc bộ

Thí sinh đoạt huy chương vàng trong Kỳ thi Olympic cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thí sinh đoạt giải nhất trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

Thí sinh đoạt huy chương bạc trong Kỳ thi Olympic cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thí sinh đoạt huy chương đồng trong Kỳ thi Olympic truyền thống 30/4 hoặc Kỳ thi HSG các trường THPT chuyên khu vực Duyên hải và Đồng bằng Bắc bộ

Thí sinh đoạt giải ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thí sinh đoạt huy chương đồng trong Kỳ thi Olympic cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thí sinh đoạt giải nhì trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thí sinh đoạt giải ba trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

Thí sinh đoạt giải khuyến khích/giải tư trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

Nhóm 3:

Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT (≥ 1200), ACT (≥ 26) hoặc kết quả học dự bị đại học theo hình thức A-Level (PUM range ≥ 80 , Toán C).

Nhóm 4:

Thí sinh tham dự cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia vòng thi tuần trở lên do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức.

Nhóm 5:

Thí sinh là học sinh THPT chuyên các môn Toán, Vật Lý, Hóa học, Tin học, Sinh học (dành cho tất cả các lĩnh vực); Ngoại ngữ, Ngữ Văn (dành cho lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, lĩnh vực Báo chí và thông tin) có điểm trung bình môn chuyên (năm lớp 10 và lớp 11) đạt từ 8,00 trở lên. Trung bình các môn còn lại thuộc tổ hợp xét tuyển (năm lớp 10 và lớp 11) từ 8.00 trở lên

Nhóm 6:

Thí sinh đoạt giải Nhất – Nhì - Ba Bảng Siêu Cúp trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Thí sinh đoạt giải Khuyến khích Bảng Siêu Cúp trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Thí sinh đoạt giải Nhất Bảng Chuyên Tin trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Thí sinh đoạt giải Nhì Bảng Chuyên Tin trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Thí sinh đoạt giải Ba Bảng Chuyên Tin trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Thí sinh đoạt giải Khuyến khích Bảng Chuyên Tin trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Thí sinh đoạt giải Nhất bảng Không Chuyên trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Thí sinh đoạt giải Nhì bảng Không Chuyên trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Thí sinh đoạt giải Ba bảng Không Chuyên trong Hội thi Olympic Tin học do Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn phối hợp tổ chức

Nhóm 7:

Thí sinh đạt học lực giỏi (hai năm liên tục) trong thời gian học THPT.

Nhóm 8:

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5,0 trở lên (hoặc TOEFL iBT từ 45 điểm trở lên, TOEIC từ 600 điểm trở lên)

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba hoặc tương đương trong Cuộc thi thể thao, văn nghệ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

d) Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển ưu tiên theo mức từ cao xuống thấp theo điểm quy đổi, cộng điểm ưu tiên (nếu có).

- Đối với từng ngành, các thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

- Đối với mỗi thí sinh, nếu đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

- Điểm xét tuyển là điểm quy đổi theo từng đối tượng cụ thể, cộng điểm ưu tiên (nếu có). Trong trường hợp thí sinh cuối danh sách có kết quả xét tuyển bằng nhau, ưu tiên xét theo gii hoặc tương đương t cao xung thp (nếu cùng nhóm), theo tổng điểm học tập THPT theo tổ hợp xét tuyển (cách tính điểm như phương thức xét theo học bạ, không tính điểm ưu tiên). Trường hợp nếu tổng điểm học tập THPT bằng nhau thì xét ưu tiên điểm môn Toán.

- Thí sinh không cung cấp đầy đủ các minh chứng theo quy định trong quá trình đăng ký trực tuyến không được xét tuyển;

- Thí sinh không cung cấp minh chứng để hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng hoặc minh chứng không hợp lệ sẽ không được cộng điểm ưu tiên đối tượng;

đ) Ngưỡng đảm bảo chất lượng và danh mục ngành/chuyên ngành xét tuyển: xem mục 1.4, 1.5 và mục 1.6.

1.3.3. Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển + điểm ưu tiên theo quy chế tuyển sinh hiện hành

Trong đó điểm môn thuộc tổ hợp xét tuyển = Trung bình cộng điểm môn học lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12. Điểm xét tuyển được làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

* Tổ hợp môn xét tuyển xem mục 1.6.1.

* Môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển là ngoại ngữ chính (ngoại ngữ 1) hoặc ngoại ngữ phụ (ngoại ngữ 2) ghi trong học bạ

* Ngưỡng đảm bảo chất lượng và danh mục ngành/chuyên ngành xét tuyển: xem mục 1.4 và mục 1.5.

1.3.4. Phương thức 4: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm bài thi ĐGNL + Điểm ưu tiên (quy đổi) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Ngưỡng đảm bảo chất lượng và danh mục ngành/chuyên ngành xét tuyển: xem mục 1.4 và mục 1.5.

1.3.5. Phương thức 5: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

- Điểm xét tuyển của thí sinh = Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển + điểm ưu tiên theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Ngưỡng đảm bảo chất lượng và danh mục ngành/chuyên ngành xét tuyển: xem mục 1.4 và mục 1.5.

* Lưu ý: điểm ưu tiên quy đổi được tính từ điểm ưu tiên theo quy chế tuyển sinh (thang điểm 30) sang thang điểm ưu tiên theo thang điểm xét tuyển tương ứng. Đối với thí sinh từ 22,5 điểm trở lên (thang điểm 30) hoặc tương đương (thang điểm

khác), điểm ưu tiên được tính theo Khoản 4 Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo đại học

1.4.1. Chỉ tiêu tuyển sinh theo phương thức Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

STT: 1

Mã ĐKXT: 7340101

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 2

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 2

Mã ĐKXT: 7340101EL

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 2

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 3

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 4

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 5

Mã ĐKXT: 7340101IM

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ thông tin

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 6

Mã ĐKXT: 7340115

Tên ngành/Chuyên ngành: Marketing

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 7

Mã ĐKXT: 7480108

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 8

Mã ĐKXT: 7480108IC

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành thiết kế vi mạch bán dẫn (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 9

Mã ĐKXT: 7480108B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 10

Mã ĐKXT: 7480202

Tên ngành/Chuyên ngành: An toàn thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 11

Mã ĐKXT: 7480201

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 6

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 12

Mã ĐKXT: 7480201B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 4

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 13

Mã ĐKXT: 7480201DT

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 2

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 14

Mã ĐKXT: 7480107

Tên ngành/Chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 15

Mã ĐKXT: 7320106

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 16

Mã ĐKXT: 7320106DA

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

1.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh theo phương thức Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường (Xét tuyển sinh riêng)

STT: 1

Mã ĐKXT: 7340101

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 2

Mã ĐKXT: 7340101EL

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Logistics và

chuỗi cung ứng số

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 26

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 3

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 4

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 5

Mã ĐKXT: 7340101IM

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ thông tin

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 8

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 6

Mã ĐKXT: 7340115

Tên ngành/Chuyên ngành: Marketing

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 8

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 7

Mã ĐKXT: 7480108

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 8

Mã ĐKXT: 7480108IC

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành thiết kế vi mạch bán dẫn (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 9

Mã ĐKXT: 7480108B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 10

Mã ĐKXT: 7480202

Tên ngành/Chuyên ngành: An toàn thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 11

Mã ĐKXT: 7480201

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 64

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 12

Mã ĐKXT: 7480201B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 48

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 13

Mã ĐKXT: 7480201DT

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 14

Mã ĐKXT: 7480107

Tên ngành/Chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 15

Mã ĐKXT: 7320106

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 6

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 16

Mã ĐKXT: 7320106DA

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường

Chỉ tiêu (dự kiến): 8

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

1.4.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo phương thức Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

STT: 1

Mã ĐKXT: 7340101

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 40

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 2

Mã ĐKXT: 7340101EL

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 43

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 3

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 20

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 4

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 20

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 5

Mã ĐKXT: 7340101IM

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ thông tin

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 13

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 6

Mã ĐKXT: 7340115

Tên ngành/Chuyên ngành: Marketing

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 13

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 7

Mã ĐKXT: 7480108

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 20

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 8

Mã ĐKXT: 7480108IC

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành thiết kế vi mạch bán dẫn (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 20

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 9

Mã ĐKXT: 7480108B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 20

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 10

Mã ĐKXT: 7480202

Tên ngành/Chuyên ngành: An toàn thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 20

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 11

Mã ĐKXT: 7480201

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 106

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 12

Mã ĐKXT: 7480201B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 80

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 13

Mã ĐKXT: 7480201DT

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 40

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 14

Mã ĐKXT: 7480107

Tên ngành/Chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)g

Chỉ tiêu (dự kiến): 20

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 15

Mã ĐKXT: 7320106

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 10

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

STT: 16

Mã ĐKXT: 7320106DA

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Chỉ tiêu (dự kiến): 13

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D07

1.4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh theo phương thức Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

STT: 1

Mã ĐKXT: 7340101

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 6

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 2

Mã ĐKXT: 7340101EL

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 7

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 3

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 3

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 4

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 3

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 5

Mã ĐKXT: 7340101IM

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ thông tin

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 2

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 6

Mã ĐKXT: 7340115

Tên ngành/Chuyên ngành: Marketing

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 2

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 7

Mã ĐKXT: 7480108

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 3

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 8

Mã ĐKXT: 7480108IC

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành thiết kế vi mạch bán dẫn (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 3

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 9

Mã ĐKXT: 7480108B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 3

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 10

Mã ĐKXT: 7480202

Tên ngành/Chuyên ngành: An toàn thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 3

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 11

Mã ĐKXT: 7480201

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 16

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 12

Mã ĐKXT: 7480201B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 13

Mã ĐKXT: 7480201DT

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 6

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 14

Mã ĐKXT: 7480107

Tên ngành/Chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 3

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 15

Mã ĐKXT: 7320106

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 1

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

STT: 16

Mã ĐKXT: 7320106DA

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Chỉ tiêu (dự kiến): 2

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn XTS

1.4.5. Chỉ tiêu tuyển sinh theo phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

STT: 1

Mã ĐKXT: 7340101

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 48

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 2

Mã ĐKXT: 7340101EL

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 52

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 3

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 4

Mã ĐKXT: 7340101ET

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 5

Mã ĐKXT: 7340101IM

Tên ngành/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ thông tin

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 16

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 6

Mã ĐKXT: 7340115

Tên ngành/Chuyên ngành: Marketing

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 16

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 7

Mã ĐKXT: 7480108

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 8

Mã ĐKXT: 7480108IC

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành thiết kế vi mạch bán dẫn (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 9

Mã ĐKXT: 7480108B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 10

Mã ĐKXT: 7480202

Tên ngành/Chuyên ngành: An toàn thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 11

Mã ĐKXT: 7480201

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 128

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 12

Mã ĐKXT: 7480201B

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 96

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 13

Mã ĐKXT: 7480201DT

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 48

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 14

Mã ĐKXT: 7480107

Tên ngành/Chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPTg

Chỉ tiêu (dự kiến): 24

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 15

Mã ĐKXT: 7320106

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 12

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

STT: 16

Mã ĐKXT: 7320106DA

Tên ngành/Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)

Tên phương thức xét tuyển: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Chỉ tiêu (dự kiến): 16

Tổ hợp xét tuyển: Tổ hợp môn A00, A01, D01, D90

1.5. Ngưỡng đầu vào

- Đối với phương thức xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường (xét tuyển sinh riêng)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (ĐBCLĐV): thí sinh có tổng điểm các môn học THPT theo một trong các tổ hợp xét tuyển đạt từ 21,00 trở lên (cách tính tổng điểm giống như phương thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT, không bao gồm điểm ưu tiên).

- Đối với phương thức Xét kết quả học tập cấp THPT và phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: tổng điểm xét tuyển của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (bao gồm cả điểm ưu tiên nếu có) từ 15,00 điểm trở lên.

- Đối với phương thức Xét kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: điểm xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 từ 600 điểm (không bao gồm điểm ưu tiên) trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.6.1. Các thông tin cần thiết khác

a) Mã trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn, Đại học Đà Nẵng: VKU

b) Mã đăng ký xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa cc tổ hợp, điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển đối với mỗi phương thức xét tuyển:

- Đối với phương thức Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh:

Các đối tượng xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển xem mục 1.8.1.

Chỉ tiêu, mã đăng ký xét tuyển và mã tổ hợp môn xét tuyển thẳng xem mục 1.4.1.

- Đối với phương thức Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường (Tuyển sinh riêng):

Các nhóm xét tuyển, điểm quy đổi, nguyên tắc xét tuyển xem mục 1.3.2.

Chỉ tiêu, mã đăng ký xét tuyển và tổ hợp môn tuyển sinh riêng xem mục 1.4.2.

- Đối với phương thức Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

Mã đăng ký xét tuyển, ngành/chuyên ngành xét tuyển xem mục 1.4.3

1.6.3. Các điều kiện khác

- Đối với các ngành/chuyên ngành: Trường chỉ tổ chức đào tạo nếu số lượng thí sinh trúng tuyển theo tất cả cc phương thức lớn hơn hoặc bằng 30.

Trong trường hợp thí sinh trúng tuyển vào ngành/chuyên ngành có số lượng trúng tuyển dưới 30, thí sinh được phép đăng ký chuyển sang ngành đào tạo khác trong cùng phương thức xét tuyển có điểm trúng tuyển thấp hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của ngành đã đăng ký.

- Thứ tự ưu tiên các phương thức xét tuyển được sắp xếp như sau: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, xét tuyển thẳng theo đề án của Trường (Xét tuyển sinh riêng), xét tuyển theo kết quả học tập THPT (xét học bạ), xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐH QG TP HCM, xét theo kết quả thi TN THPT năm 2024.

- Trong trường hợp không tuyển sinh hết chỉ tiêu dành cho phương thức ưu tiên cao hơn, chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển xuống các phương thức ưu tiên thấp hơn và các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có). Trong trường hợp thí sinh trúng tuyển chính thức vượt quá chỉ tiêu của các phương thức ưu tiên cao hơn, chỉ tiêu các phương thức ưu tiên thấp hơn sẽ được tự động điều chỉnh phù hợp với chỉ tiêu chung của ngành/chuyên ngành.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

Theo kế hoạch và hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đại học Đà Nẵng

- Đối với phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia: Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Đối với phương thức Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ), phương thức Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp HCM tổ chức:

+ Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT dự kiến: Từ ngày 15/4/2024 đến hết ngày 31/5/2024

Các đợt bổ sung (nếu có): Thông báo trên trang tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng (<http://ts.udn.vn>) và của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (<http://tuyensinh.vku.udn.vn>).

+ Cách thức đăng ký: đăng ký trực tuyến tại <http://ts.udn.vn>

- Đối với phương thức tuyển sinh riêng của Trường:

+ Thời gian nộp hồ sơ ĐKXT dự kiến: Từ ngày 15/4/2024 đến hết ngày 31/5/2024.

+ Thí sinh đăng ký trực tuyến tại: <http://tuyensinh.vku.udn.vn>

Các đợt bổ sung (nếu có) theo thông báo của Trường và của Đại học Đà Nẵng.

- Đối với phương thức xét tuyển thẳng:

+ Thời gian nộp hồ sơ dự kiến theo kế hoạch chung

+ Thí sinh đăng ký theo theo thông báo của Trường.

1.8. Chính sách ưu tiên:

1.8.1. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh

a) Các đối tượng xét tuyển thẳng:

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Hiệu trưởng quyết định.

- Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; Danh mục các môn thi, lĩnh vực, ngành nghề đạt giải tương ứng với các ngành/chuyên ngành tuyển sinh theo mục 1.6.

+ Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

+ Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. Danh mục các môn thi, lĩnh vực, ngành nghề đạt giải tương ứng với các ngành/chuyên ngành tuyển sinh theo mục 1.6.

b) Nguyên tắc xét tuyển

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển thẳng bằng nhiều nguyện vọng khác nhau vào các ngành hiện có theo quy định của từng đối tượng xét tuyển. Mỗi thí sinh trúng tuyển 01 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo. Việc xét tuyển dựa theo thứ tự giải từ cao xuống thấp và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Trường hợp có nhiều thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu tuyển thẳng sẽ xét đến tiêu chí phụ là tổng điểm học tập THPT theo một trong các tổ hợp xét tuyển (cách tính như phương thức xét theo kết quả học tập THPT). Trường hợp điểm học tập THPT bằng nhau ưu tiên môn Toán.

c) Danh mục ngành/chuyên ngành xét tuyển: xem mục 1.4.

1.8.2. Các trường hợp xét tuyển khác

Thí sinh thực đi tung sau được Hội đồng tuyển sinh Trường sẽ xem xét, tuyển thẳng vào học ngành đăng ký Xét tuyển căn cứ trên hồ sơ của thí sinh (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức), bao gồm:

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Hiệu trưởng xem xét quyết định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

1.8.3. Ưu tiên xét tuyển

1.8.3.1. Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại Mục 1.8.1 trên nếu không sử dụng quyền xét tuyển thẳng thì được cộng thêm điểm vào tổng điểm Xét tuyển cao nhất vì tất cả các ngành ĐKXT. Thang điểm xét tuyển là 30, trong tổng hợp thang điểm khác quy định về thang 30. Xét theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Đối với các thí sinh cùng điểm sẽ xét đến điểm trung bình năm học lớp 12 của chương trình THPT.

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, được cộng thêm 1,5 điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp phù hợp với ngành ĐKXT.

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, giải Nhất được cộng 2 điểm; giải Nhì được cộng 1,5 điểm; giải Ba được cộng 1,0 điểm; giải Khuyến khích được cộng 0,5 điểm.

Danh mục các môn thi, lĩnh vực dự thi được quy định tại Mục 1.6.

c) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; giải Nhất được cộng 2 điểm; giải Nhì được cộng 1,5 điểm; giải Ba được cộng 1,0 điểm; giải Khuyến khích được cộng 0,5 điểm.

d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; giải Nhất được cộng 2 điểm; giải Nhì được cộng 1,5 điểm; giải Ba được cộng 1,0 điểm; giải Khuyến khích được cộng 0,5 điểm.

đ) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3

năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; giải nhất được cộng 1,5 điểm; giải nhì được cộng 1,0 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm.

Danh mục các nghề và ngành ĐKXT được quy định tại Mục 1.6

1.8.3.2. Các nhóm đối tượng khác theo quy định:

a) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia nếu không dự tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển, được cộng thêm 0,25 điểm vào tng đim Xét tuyển ca t hp ph vi tất cả các nghh ĐKXT.

b) Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển; Các thí sinh được cộng thêm điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp xét tuyển phù hợp với ngành ĐKXT: huy chương vàng hoặc tương đương cộng 0,5 điểm; huy chương bạc hoặc tương đương được cộng 0,25 điểm; huy chương bạc hoặc tương đương được cộng 0,15 điểm.

c) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển; Các thí sinh được cộng thêm điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp xét tuyển phù hợp với ngành ĐKXT: huy chương vàng hoặc tương đương cộng 0,5 điểm; huy chương bạc hoặc tương đương được cộng 0,25 điểm; huy chương bạc hoặc tương đương được cộng 0,15 điểm.

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển. Các thí sinh được cộng thêm điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp xét tuyển phù hợp với ngành ĐKXT: giải nhất được cộng 1,5 điểm; giải nhì được cộng 1,0 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm

* Đối với thí sinh thuộc nhiều đối tượng khác nhau, chỉ tính điểm cộng thuộc một đối tượng cao nhất.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

Thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Đại học Đà Nẵng (hiện hành là Quyết định số 735/QĐ-ĐHĐN ngày 22/02/2024 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc quy định mức thu và hình thức thu các loại phí cho hoạt động tuyển sinh năm 2024).

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Học phí dự kiến năm học 2024 -2025 được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước (hiện nay là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 81/2021/NĐ-CP))

DVT: nghìn đồng/SV/năm

Nhóm: 1

Ngành/ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

2024 - 2025: 14.100

Nhóm: 2

Ngành/ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số

2024 - 2025: 14.100

Nhóm: 3

Ngành/ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số

2024 - 2025: 14.100

Nhóm: 4

Ngành/ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số

2024 - 2025: 14.100

Nhóm: 5

Ngành/ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ thông tin

2024 - 2025: 14.100

Nhóm: 6

Ngành/ Chuyên ngành: Marketing

2024 - 2025: 14.100

Nhóm: 7

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)

2024 - 2025: 16.400

Nhóm: 8

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành thiết kế vi mạch bán dẫn (kỹ sư)

2024 - 2025: 16.400

Nhóm: 9

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)

2024 - 2025: 16.400

Nhóm: 10

Ngành/ Chuyên ngành: An toàn thông tin (kỹ sư)

2024 - 2025: 16.400

Nhóm: 11

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (kỹ sư)

2024 - 2025: 16.400

Nhóm: 12

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân)

2024 - 2025: 16.400

Nhóm: 13

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)

2024 - 2025: 16.400

Nhóm: 14

Ngành/ Chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)

2024 - 2025: 16.400

Nhóm: 15

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông (cử nhân)

2024 - 2025: 15.000

Nhóm: 16

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)

2024 - 2025: 15.000

Ghi chú:

- Năm học 2024-2025 dự kiến sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý học 37 tín chỉ, các ngành thuộc lĩnh vực Máy tính và Công nghệ Thông tin; Truyền thông học 40 tín chỉ. Số tín chỉ các năm sau có thể giảm dần theo thiết kế của mỗi chương trình đào tạo.

- Mức thu học phí(HP) từ năm 2025-2026 trở về sau tăng theo lộ trình do Nhà nước quy định.

- Tổng học phí sinh viên nộp trong mỗi học kỳ được tính theo tổng số tín chỉ sinh viên đã đăng ký trong cùng học kỳ nhân với đơn giá tín chỉ trong cùng học kỳ.

- Sinh viên được hưởng các chính sách hỗ trợ tài chính, ký túc xá, học bổng trong tuyển sinh và các chính sách hỗ trợ khác được áp dụng mức theo

Mục 1.15.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm theo kế hoạch chung của Đại học Đà Nẵng và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Trong trường hợp rủi ro, phát sinh những khiếu nại, trường thực hiện giải quyết theo các quy định hiện hành